

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NHA TRANG  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**Bản án số: 48/2023/DS-ST**  
**Ngày 10 tháng 7 năm 2023**  
*V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,**  
**TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lương Ngọc Yến Anh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Bạ**

**Ông Lưu Văn Có**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đào Minh Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:** Bà **Võ Thị Lựu** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 80/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Lê Thị M** – Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Số ... đường Thống N, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

\* Bị đơn: Ông **Nguyễn Chí T** – Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Số ... Huỳnh Thúc K, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Cẩm Cát P** – Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Số ... Huỳnh Thúc K, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt.

\* Người làm chứng: Bà **Nguyễn Hoàng Nhật L** – Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ ... Vĩnh Diêm T, xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Có đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Chí T - sinh năm 1968, địa chỉ: Số ... Huỳnh Thúc K, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, là bạn bè, quen biết làm ăn chung với nhau đã lâu. Tôi có cho ông T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) để ông T làm ăn. Việc vay mượn được cả hai lập Hợp đồng vay tiền đề ngày 19/4/2021; Theo

đó, thời gian vay từ ngày 19/4/2021 đến ngày 14/5/2021, tài sản thế chấp là nhà và đất tại số ... Huỳnh Thúc K, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang.

Ông Thành nhờ bà Nguyễn Hoàng Nhật L (Là cháu ruột, gọi ông T bằng cậu; đồng thời là kế toán của Công ty Trường An, có trụ sở tại số 04 Huỳnh Thúc Kháng, phường Phước Tiến, Nha Trang, do ông T làm giám đốc), lên nhà tôi để đưa giấy nhận nợ và nhận số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) bằng tiền mặt.

Đến thời hạn, tôi không thấy ông T trả nợ cho tôi nên tôi liên lạc với ông T thì được ông T đề nghị cho mượn thêm số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), để xử lý công việc công ty gấp, sau đó sẽ trả cho tôi tổng số tiền 1.120.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng*). Vì quá sốt ruột món nợ cũ nên tôi đã gọi điện đề nghị chồng tôi là ông Mai Đức H cho ông T vay số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), trong thời hạn 10 ngày (Từ ngày 19/7/2022 đến 29/7/2022) để ông T lo xử lý công việc. Nhưng mãi đến nay, ông T vẫn không thanh toán cho tôi khoản nợ trên. Tôi đã nhiều lần đến nhà, đến công ty và gọi điện thoại cho ông T, yêu cầu 02 bên gặp mặt để bàn bạc phương án trả nợ nhưng vợ chồng ông T đã tắt điện thoại, không nhắc máy khi biết đó là số điện thoại của tôi. Nay tôi khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán cho tôi số tiền còn nợ là 1.120.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng*).

Ngày 23/3/2023, tôi có đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Chí T, cụ thể: Tôi yêu cầu ông Nguyễn Chí T trả lại cho tôi số tiền nợ 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), còn số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) do chồng tôi là ông Mai Đức H cho ông T mượn, vợ chồng tôi sẽ khởi kiện ông T ở vụ án khác. Tôi không yêu cầu tính lãi.

\* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Nguyễn Chí T và người liên quan là bà Phan Cẩm Cát P nhưng các đương sự vẫn cố tình trốn tránh, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

\* Tại bản tự khai người làm chứng bà Nguyễn Hoàng Nhật L trình bày:

Vào thời điểm năm 2021, tôi làm thủ quỹ của Công ty TNHH Xây dựng Trường An do ông Nguyễn Chí T làm giám đốc. Ngày 19/4/2021, ông Nguyễn Chí T và bà Lê Thị M có làm Giấy vay tiền với số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), thời gian vay từ ngày 19/4/2021 đến ngày 14/5/2021. Đồng thời, bà Mạnh đã giao đủ số tiền trên cho ông Thành. Tôi với vai trò là thủ quỹ của Công ty đã cùng ông T ký vào Giấy vay tiền, xác nhận đã nhận đủ số tiền trên. Giữa bà M và ông T có thỏa thuận tiền lãi cho khoản vay trên từ ngày 19/4/2021 đến ngày 14/5/2021 là 40.000.000 đồng/tháng x 5 tháng = 200.000.000 đồng. Ngày 28/9/2021, ông T có nói tôi trả trước cho bà M số tiền lãi là 100.000.000 đồng.

Trên đây là toàn bộ sự việc giữa bà M với ông T mà tôi được biết và tôi cam đoan khai đúng sự thật. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

\* *Tại phiên tòa:*

1. Các đương sự vắng mặt.

2. Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Chí T trả số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M. Buộc bị đơn ông Nguyễn Chí T trả lại cho bà M số tiền nợ 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*).

- Án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Lê Thị M với bị đơn ông Nguyễn Chí T, địa chỉ: Số .... Huỳnh Thúc Kháng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị M, người làm chứng bà Nguyễn Hoàng Nhật L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn là ông Nguyễn Chí T và người liên quan bà Phan Cẩm Cát P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

#### **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Chí T thanh toán khoản tiền nợ là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 19/7/2022. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ yêu cầu này, theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Theo lời khai của nguyên đơn, do mối quan hệ quen biết nên ngày 19/4/2021, bà Lê Thị M có cho ông Nguyễn Chí T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*). Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền đề ngày 19/4/2021 với nội dung: “*Bên A (bà Lê Thị M) đồng ý cho bên B (ông Nguyễn Chí T) vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay tiền từ ngày 19/4/2021 đến ngày 14/5/2021; Tài sản bên B thế chấp cho bên A là nhà ở tại số 04 Huỳnh Thúc Kháng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang*”. Hợp đồng vay tiền nói trên có chữ ký của người mượn là ông Nguyễn Chí T và người làm chứng xác nhận đã nhận đủ tiền

là bà Nguyễn Hoàng Nhật L (Thời điểm này, bà L đang làm thủ quỹ cho Công ty TNHH Xây dựng Trường An do ông Nguyễn Chí T làm giám đốc).

Lời khai này của nguyên đơn phù hợp với lời khai của người làm chứng, cùng các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Chí T có vay của bà Lê Thị M số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) là sự thật. Khi đến hạn, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị M, đã xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn bà Lê Thị M yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Chí T trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), là có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Nguyên đơn bà Lê Thị M không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[3.1] Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị M được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: 36.000.000 đồng + 3% x (1.000.000.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 42.000.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng*).

[3.2] Hoàn lại cho nguyên đơn bà Lê Thị M số tiền 22.800.000 đồng (*Hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011214 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ:**

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M, về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Chí T thanh toán số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị M;

Bị đơn ông Nguyễn Chí T có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Mạnh số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Chí Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: 42.000.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng*).

3.2. Hoàn lại cho bà Lê Thị M số tiền 22.800.000 đồng (*Hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm, mà bà M đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011214 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

4. Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Ngọc Yến Anh**